

THÔNG TƯ
Về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/ NĐ- CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá, Nghị định 75/2008/NĐ-CP ngày 9/6/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Bộ Tài chính ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt như sau:

Điều 1. Ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo bảng phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Căn cứ vào nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch theo hướng dẫn của Liên Bộ Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và phát triển nông thôn và khung giá quy định tại Điều 1 Thông tư này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt cụ thể tại địa phương.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Nhân dân các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Sở TC, các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Sở Xây dựng, Sở NN&PTNT các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Hội cấp thoát nước VN;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước,
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Cục QLN&TCĐN; Cục TCDN; Vụ ĐT; Vụ HCSN;
- Lưu: VT (2), Cục QLG (10b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Văn Hiếu

PHỤ LỤC
KHUNG GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH SINH HOẠT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 100/2009/TT-BTC
ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Loại	Giá tối thiểu (đồng/m³)	Giá tối đa (đồng/m³)
Đô thị đặc biệt, đô thị loại 1	3.000	12.000
Đô thị loại 2, loại 3, loại 4, loại 5	2.000	10.000
Nước sạch sinh hoạt nông thôn	1.000	8.000

Đối với nước sạch sinh hoạt tại khu công nghiệp: Khu công nghiệp nằm trong loại đô thị nào thì áp dụng khung giá nước sạch sinh hoạt tại đô thị đó.